

MÔ HÌNH PHÁP LUẬT VỀ CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TOÀ ÁN NƯỚC NGOÀI

BÀNH QUỐC TUẤN *

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích khái quát vấn đề lý luận về mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, mô hình này theo quy định của các công ước quốc tế và pháp luật một số quốc gia tiêu biểu, bài viết phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của từng mô hình pháp luật đặt trong hoàn cảnh thực tế của Việt Nam; từ đó đề xuất lựa chọn mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài phù hợp với thực tiễn trong giai đoạn sắp tới.

Từ khoá: Công nhận; mô hình pháp luật; toà án nước ngoài

Nhận bài: 21/12/2019

Hoàn thành biên tập: 12/3/2020

Duyệt đăng: 02/4/2020

LEGAL MODEL OF RECOGNITION AND ENFORCEMENT OF CIVIL JUDGMENTS AND DECISIONS OF FOREIGN COURTS

Abstract: On the basis of a general analysis of theoretical issues of legal model of recognition and enforcement of civil judgements and decisions of foreign courts and those legal models under international conventions and the law of some typical countries, the paper analyses and assesses the advantages and disadvantages of each legal model in the context of Vietnam's real situation; and based on that it proposes to select a relevant legal model of recognition and enforcement of civil judgments and decisions of foreign courts for Vietnam in accordance with the practical situation of in the coming period.

Keywords: Recognition; legal model; foreign court

Received: Dec 21st, 2019; Editing completed: Mar 12th, 2020; Accepted for publication: Apr 2nd, 2020

1. Khái quát hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài

1.1. Khái niệm mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài

Khái niệm “mô hình” đã được nhiều công trình nghiên cứu ở Việt Nam quan tâm, đặc biệt là các nghiên cứu liên quan đến

hoàn thiện nhà nước và pháp luật. Theo Viện ngôn ngữ học Việt Nam, “mô hình” diễn tả một cách hết sức ngắn gọn những đặc trưng chủ yếu của đối tượng để nghiên cứu đối tượng ấy.⁽¹⁾ Theo tác giả Đào Trí Úc, mô hình được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Theo nghĩa hẹp, mô hình là “mẫu, khuôn, tiêu chuẩn theo đó mà chế tạo ra sản phẩm hàng loạt”. Mô hình cũng được hiểu là “cơ

* Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường đại học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
E-mail: bq.tuan@hutech.edu.vn

(1). Viện ngôn ngữ học Việt Nam, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Thanh Hoá, 1998, tr. 762.

cấu tái hiện hay bất chước cấu tạo và hoạt động của cơ cấu khác". Ở nghĩa rộng, mô hình được hiểu là "hình ảnh... ước lệ của một khách thể (hay một hệ thống các khách thể, các quá trình hay hiện tượng)".⁽²⁾ Theo tác giả Lê Hồng Hạnh, khái niệm mô hình đặt trong khung cảnh xây dựng pháp luật có thể hiểu là "sự mô phỏng những nét đại cương nhất, chính yếu nhất, phản ánh hiện thực xây dựng pháp luật".⁽³⁾ Cũng theo tác giả Lê Hồng Hạnh, mô hình xây dựng pháp luật của một quốc gia gồm hai thành tố cơ bản là những chủ thể có quyền được ban hành pháp luật và quy trình xây dựng pháp luật.⁽⁴⁾ Như vậy, mô hình pháp luật có thể hiểu là khuôn mẫu của pháp luật, có thể là của một hệ thống pháp luật hoặc một chế định pháp luật và không có mô hình pháp luật của một quy phạm pháp luật cụ thể. Ở góc độ kĩ thuật lập pháp, có thể hiểu mô hình pháp luật là sự lựa chọn cách tiếp cận đối với vấn đề là đối tượng điều chỉnh cụ thể mà nhà làm luật đang hướng đến.

Từ khái niệm mô hình pháp luật như trên, có thể hiểu mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài chính là cách thức tiếp cận vấn đề công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài để từ đó xây dựng quy phạm pháp luật

cụ thể phù hợp giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài trên thực tế. Hoàn chỉnh mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài chính là lựa chọn cách tiếp cận phù hợp và đúng đắn các quy định của pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài trên cơ sở những quy định của pháp luật hiện hành, loại bỏ những quy định không phù hợp và bổ sung những quy định còn thiếu để định hình rõ nét mô hình pháp luật. Mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài được thể hiện qua các nội dung cơ bản như phạm vi công nhận bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, nguyên tắc công nhận và cho thi hành, điều kiện công nhận và cho thi hành...

Pháp luật các quốc gia khác nhau sẽ có những giải pháp khác nhau đối với cùng một vấn đề mà một trong những nguyên nhân cơ bản là cách thức tiếp cận để giải quyết vấn đề không giống nhau. Tuy nhiên, những giải pháp giải quyết các vấn đề pháp lí đều phải có những điểm tương đồng bởi mục đích điều chỉnh của pháp luật trong nhiều lĩnh vực là giống nhau, đặc biệt đối với những lĩnh vực pháp luật liên quan đến quan hệ có yếu tố nước ngoài bởi pháp luật quốc gia ban hành không chỉ để điều chỉnh hành vi của các chủ thể trong nước mà còn để điều chỉnh các chủ thể nước ngoài. Muốn thúc đẩy sự phát triển của các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài cần phải có những điểm tương

(2). Đào Trí Úc (chủ biên), *Mô hình tổ chức và hoạt động của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007, tr. 93.

(3). Lê Hồng Hạnh (chủ biên), *Mô hình xây dựng pháp luật trong nhà nước pháp quyền - Từ lí luận đến thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2017, tr. 63.

(4). Lê Hồng Hạnh (chủ biên), *ltdđ*, tr. 63.

đồng giữa các hệ thống pháp luật quốc gia khi giải quyết cùng một vấn đề. Chính vì vậy, số lượng mô hình pháp luật không nhiều và giữa các mô hình thường có điểm chung giống nhau. Nói cách khác, số lượng mô hình pháp luật không tương ứng với số lượng hệ thống pháp luật quốc gia. Chính vì vậy, việc nghiên cứu các mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài để từ đó rút ra ưu điểm, hạn chế của từng mô hình và xác định được mô hình phù hợp nhất với hoàn cảnh thực tế của Việt Nam là cần thiết và hoàn toàn có thể thực hiện được. Hơn nữa, pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài là chế định pháp luật luôn liên quan đến chủ thể nước ngoài, nghĩa là liên quan đến ít nhất một hệ thống pháp luật của quốc gia khác, vì vậy cần nghiên cứu các mô hình khác nhau của các hệ thống pháp luật.

1.2. Các loại mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài

Xét ở góc độ các điều kiện cụ thể công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, có ba mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài.⁽⁵⁾

(5). Xem thêm: Dự Ngọc Bích, “Lựa chọn mô hình điều chỉnh của pháp luật về công nhận, thi hành bản án dân sự, thương mại của toà án nước ngoài”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, số 21/2008, tr. 11; Bàn Quốc Tuấn, “Hoàn thiện pháp luật về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, số 5/2011, tr. 41 - 47.

Thứ nhất, mô hình liệt kê các trường hợp bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài được công nhận và cho thi hành. Theo mô hình này, những điều kiện mà một bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành ở nước được yêu cầu công nhận sẽ được liệt kê cụ thể. Bên thắng kiện (tức bên được thi hành) có nghĩa vụ phải chứng minh những điều kiện cụ thể này đã được thoả mãn và cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu công nhận phải chủ động kiểm tra những điều kiện này. Khi những điều kiện này đã được thoả mãn thì bản án, quyết định của toà án nước ngoài sẽ được công nhận và cho thi hành ở nước được yêu cầu công nhận. Theo mô hình này, cơ quan có thẩm quyền của nước nhận được yêu cầu công nhận hoàn toàn kiểm soát được việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài cũng như kiểm soát được các bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài đã được công nhận và cho thi hành bởi vì pháp luật của nước đó đã đưa ra các điều kiện “cứng”, bắt buộc phải tuân thủ nếu bản án, quyết định của toà án nước ngoài muốn được công nhận và cho thi hành, cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu hoàn toàn chủ động trong việc kiểm tra, đánh giá mức độ thoả mãn các điều kiện này. Khi có cơ sở cho rằng không đủ điều kiện hoặc các điều kiện này không được chứng minh một cách thoả đáng bởi người yêu cầu thi hành thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết cũng hoàn toàn chủ động trong việc từ chối công nhận và cho thi hành bản án, quyết

định dân sự của toà án nước ngoài. Mô hình này có thể đáp ứng yêu cầu bảo vệ ở mức tối đa các lợi ích mà quốc gia nhận được yêu cầu công nhận và cho thi hành quan tâm. Tuy nhiên, mô hình này gây ra nhiều khó khăn cho việc xét các yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài bởi nó “đẩy” phần khó khăn nhất cho người được thi hành hay người yêu cầu là nghĩa vụ chứng minh các điều kiện phải thoả mãn để bản án, quyết định được công nhận và cho thi hành bởi vì các điều kiện này được quy định trong pháp luật quốc gia của nước nhận được yêu cầu, trong khi đó việc chứng minh các điều kiện này là rất khó đối với một chủ thể nước ngoài. Bên cạnh đó, mô hình này còn dễ dẫn đến sự tùy tiện, chủ quan trong việc thi hành pháp luật của cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành bởi chứng minh thoả mãn các điều kiện là nghĩa vụ, điều bắt buộc phải làm của người yêu cầu còn cho phép công nhận và cho thi hành hay không là quyền, điều có thể làm, của cơ quan có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành. Hơn nữa, tính khó khăn, phức tạp của thủ tục công nhận và cho thi hành của mô hình này có thể triệt tiêu những lợi ích mà việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài mang lại. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, rõ ràng mô hình này không phù hợp cho việc mở rộng các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài theo định hướng phát triển của Việt Nam.

Thứ hai, mô hình liệt kê các trường hợp bản án, quyết định dân sự của toà án nước

ngoài bị từ chối công nhận và cho thi hành. Theo mô hình này, có thể có 3 khả năng xảy ra tùy thuộc vào chủ thể có trách nhiệm chứng minh các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành:

- Những trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành được chủ động kiểm tra bởi cơ quan có thẩm quyền của nước nhận được yêu cầu. Nếu bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài rơi vào các trường hợp này sẽ không được công nhận và cho thi hành. Với khả năng này, những trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành đã trở thành điều kiện bắt buộc phải thoả mãn đối với bản án, quyết định của toà án nước ngoài như mô hình thứ nhất.

- Những trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành được chứng minh bởi bên phải thi hành (hay bên thua kiện). Nếu bên phải thi hành không chứng minh được rằng bản án, quyết định của toà án nước ngoài được yêu cầu công nhận và cho thi hành rơi vào một trong các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành thì bản án, quyết định đó sẽ được công nhận và cho thi hành. Như vậy, về nguyên tắc các bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài có yêu cầu công nhận và cho thi hành sẽ đương nhiên được công nhận và cho thi hành, trừ khi có sự phản đối của bên phải thi hành hoặc bên có lợi ích đối lập với bên có yêu cầu. Đây là khả năng thường được áp dụng nhất đối với các nước theo đuổi mô hình thứ hai.

- Những trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành này bao gồm một số điều kiện mà bên có yêu cầu bắt buộc phải chứng

minh, nếu không đáp ứng được các điều kiện này hoặc sự chứng minh không được cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc công nhận và cho thi hành chấp nhận thì bản án, quyết định của toà án nước ngoài sẽ bị từ chối công nhận và cho thi hành. Bên cạnh đó, một số trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành mà bên phản đối việc yêu cầu phải chứng minh. Theo đó, nếu không chứng minh được bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài được yêu cầu công nhận và cho thi hành rơi vào một trong các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành thì bản án, quyết định đó sẽ được công nhận và cho thi hành. Đây là khả năng phức tạp nhất của mô hình thứ hai bởi nó yêu cầu sự chứng minh từ cả hai phía: bên có yêu cầu công nhận và cho thi hành và bên phản đối việc công nhận và cho thi hành.

Nhìn chung, so với mô hình thứ nhất, mô hình thứ hai đưa ra cơ chế tự do trong việc giải quyết các yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài. Cơ quan có thẩm quyền của nước nhận được yêu cầu không kiểm soát vấn đề công nhận và cho thi hành cũng như không chủ động trong việc chấp nhận hay từ chối yêu cầu mà để cho bên phản đối yêu cầu việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài tự bảo vệ lợi ích của họ. Mô hình này đảm bảo mở rộng tối đa quyền tự do thoả thuận cũng như nghĩa vụ chứng minh của các bên đương sự vốn là những nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng dân sự cũng như pháp luật dân sự đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho

các bên có liên quan đến yêu cầu công nhận và cho thi hành bởi họ được tự do bày tỏ ý chí, tự do quyết định mức độ lợi ích được bảo vệ mà không bị can thiệp bởi ý chí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, mô hình này bắt buộc phải kèm theo những giới hạn của nó, bởi nếu không sẽ có những lợi ích khác không được bảo vệ chắc chắn hoặc bị xâm hại bởi việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài. Bên cạnh đó, mô hình pháp luật này cũng phức tạp do khó khăn trong việc xác định trách nhiệm chứng minh của các bên trong vụ việc.

Thứ ba, mô hình vừa liệt kê các điều kiện mà một bản án, quyết định của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành, vừa liệt kê các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành. Theo mô hình này, pháp luật của nước nhận được yêu cầu công nhận và cho thi hành sẽ quy định những điều kiện cụ thể mà một bản án, quyết định của toà án nước ngoài phải thoả mãn và bên thắng kiện, tức bên được thi hành có nghĩa vụ phải chứng minh và cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu công nhận sẽ chủ động kiểm tra những điều kiện này. Nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện thì bản án, quyết định của toà án nước ngoài về nguyên tắc sẽ được công nhận và cho thi hành. Mặt khác, pháp luật quốc gia nơi nhận được yêu cầu công nhận và cho thi hành cũng quy định những trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành. Những trường hợp này sẽ do bên phải thi hành chủ động chứng minh và cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu

phải từ chối việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài nếu cơ quan có thẩm quyền chấp nhận sự chứng minh của bên phải thi hành mặc dù bên yêu cầu đã chứng minh được bản án, quyết định của toà án nước ngoài đã thoả mãn các điều kiện bắt buộc trong nhóm thứ nhất.

Mô hình thứ ba này đề xuất một giải pháp dung hoà, theo đó, cơ quan có thẩm quyền của nước nhận được yêu cầu công nhận và cho thi hành có thể kiểm soát được việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài thông qua việc kiểm tra các điều kiện do pháp luật quy định nhưng đồng thời cũng mở ra khả năng hoàn toàn chủ động cho bên phản đối việc công nhận và cho thi hành việc chứng minh rằng bản án, quyết định của toà án nước ngoài đó không đủ điều kiện để công nhận và cho thi hành tại nước nhận được yêu cầu. Nghĩa là bên nào trong vụ việc cũng đều có giới hạn nhất định các quyền để tự bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình. Đây có thể xem là mô hình điều chỉnh tối ưu cho pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài bởi nó có thể dung hoà được lợi ích của các bên liên quan trong vấn đề công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài. Theo đó, đối với những lợi ích quan trọng nhất mà quốc gia nơi nhận được yêu cầu muốn và phải bảo vệ sẽ được đặt vào danh sách các điều kiện bắt buộc phải thoả mãn để một bản án, quyết định của toà án nước ngoài được công nhận và cho thi hành, những lợi ích khác ít quan trọng hơn sẽ đặt vào danh sách những điều kiện do các bên

chủ thể có nghĩa vụ phải tự chứng minh. Như vậy, việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài sẽ vẫn được tiến hành một cách thuận lợi, dễ dàng qua nghĩa vụ chứng minh của các bên liên quan đồng thời cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi nhận được yêu cầu vẫn kiểm soát được tình hình, các lợi ích quan trọng nhất vẫn được bảo vệ, thông qua việc chủ động kiểm tra các điều kiện mà bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài bắt buộc phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành.

Việc phân loại mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài theo tiêu chí các điều kiện để bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài được công nhận và cho thi hành tại nước nhận được yêu cầu có giá trị thực tiễn rất cao trong việc hoàn thiện mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài bởi vì pháp luật của phần lớn các nước cũng như các điều ước quốc tế (ĐUQT) đều quy định những điều kiện cụ thể bắt buộc một bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài phải tuân thủ nếu muốn được công nhận và cho thi hành. Pháp luật các nước chỉ khác nhau ở cách thức quy định các điều kiện này cũng như chủ thể có nghĩa vụ phải chứng minh các điều kiện này.

2. Mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài theo các điều ước quốc tế và pháp luật một số nước tiêu biểu

2.1. Theo các điều ước quốc tế tiêu biểu

Hiện tại, có khá nhiều ĐUQT đa phương điều chỉnh vấn đề công nhận và cho thi hành

bản án, quyết định dân sự của nước ngoài. Các ĐUQT này thường được ban hành trong khuôn khổ các thiết chế quốc tế đa phương, quan trọng nhất là Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế và Liên minh châu Âu (EU). Bên cạnh các ĐUQT đa phương, các quốc gia đã kí kết với nhau rất nhiều ĐUQT song phương (Hiệp định TTTP) để giải quyết các vấn đề về tư pháp quốc tế liên quan đến hai quốc gia kí kết, trong đó có vấn đề công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước kí kết kia. Số lượng các ĐUQT song phương ngày càng tăng lên nhanh chóng. Trong các ĐUQT đa phương điều chỉnh vấn đề công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của nước ngoài thì quan trọng nhất và điều chỉnh một cách toàn diện nhất là Công ước Brussels ngày 27/12/1968; Công ước Lugano ngày 16/12/1988 và hiện nay là Luật số 44/2001 ngày 22/12/2000 của Cộng đồng châu Âu (Brussels I Regulation). Về cơ bản, nội dung điều chỉnh của các công ước tập trung vào những vấn đề sau đây:

- Về phạm vi công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định dân sự của nước ngoài tại nước được yêu cầu: Các công ước đều quy định phạm vi công nhận và cho thi hành rộng, không hạn chế bởi bản án, quyết định do toà án ban hành.

- Về nguyên tắc công nhận và cho thi hành: mọi bản án, quyết định đều được công nhận tại các quốc gia là thành viên của công ước mà không đòi hỏi bất kì thủ tục đặc biệt nào. Riêng đối với những bản án, quyết định có yêu cầu thi hành thì phải tuân theo trình

tự, thủ tục do pháp luật của nước nơi nhận được yêu cầu quy định.

- Về những trường hợp không công nhận bản án, quyết định dân sự của nước ngoài: chủ yếu tập trung vào các vấn đề: 1) việc công nhận trái với trật tự công cộng của quốc gia nơi được yêu cầu công nhận; 2) bản án, quyết định được tuyên trong trường hợp xét xử vắng mặt bị đơn và bị đơn đã không được áp dụng các thủ tục triệu tập hợp lệ hoặc thủ tục triệu tập được thực hiện trong thời gian không đủ để bị đơn có thể sắp xếp việc tham gia phiên toà; 3) bản án, quyết định không phù hợp với bản án, quyết định đã được tuyên trong tranh chấp giữa cùng các bên đó tại quốc gia nơi mà việc công nhận được chuyển đến; 4) toà án của quốc gia nơi mà bản án, quyết định đã được tuyên, để đi đến phán quyết của mình, đã quyết định một vấn đề sơ bộ liên quan đến tình trạng hoặc năng lực pháp luật của thể nhân, quyền tài sản phát sinh trong quan hệ hôn nhân, di chúc hoặc thừa kế theo cách thức mà xung đột với một quy tắc của tư pháp quốc tế của quốc gia nơi được yêu cầu công nhận, trừ khi việc áp dụng các quy tắc của tư pháp quốc tế của quốc gia đó mang lại kết quả tương tự; 5) bản án, quyết định không phù hợp với bản án, quyết định trước đó đã được tuyên tại một quốc gia không kí kết liên quan đến cùng một nguyên nhân dẫn đến việc khởi kiện và giữa cùng các bên đương sự, với điều kiện là bản án sau đó phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết để được công nhận tại quốc gia được chuyển đến.

- Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành: các công ước đều trao thẩm quyền này cho toà án nước nhận được yêu cầu. Tuy nhiên, thẩm quyền cụ thể của toà án quốc gia trong việc giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành phụ thuộc vào quy định của pháp luật quốc gia đó.

- Về thủ tục giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành: các công ước đều quy định về thủ tục giải quyết yêu cầu thi hành bản án, quyết định dân sự của nước ngoài do chủ thể có yêu cầu thi hành bản án nộp đơn và thủ tục giải quyết yêu cầu phân đối việc công nhận bản án, quyết định dân sự của nước ngoài do chủ thể phân đối việc công nhận nộp đơn.

- Các nội dung khác có liên quan: Các công ước đều dành nhiều điều luật quy định về hồ sơ yêu cầu thi hành bản án, quyết định dân sự của nước ngoài, về nguyên tắc không được xem xét lại về mặt nội dung bản án, quyết định dân sự của nước ngoài, về thời hạn giải quyết yêu cầu, về án phí...

Nhìn chung, các ĐUQT được ban hành trong khuôn khổ các thiết chế quốc tế đa phương nên không giới hạn phạm vi các chủ thể gia nhập, trừ một số ĐUQT mang tính chất khu vực (ví dụ: các ĐUQT chỉ dành cho các nước thành viên của EU). Bên cạnh các ưu điểm, các ĐUQT vẫn có nhiều hạn chế như số lượng các nước gia nhập làm thành viên của một số ĐUQT đều rất hạn chế (ví dụ: Công ước La Haye và Nghị định thư bổ sung Công ước đã không thành công vì chỉ có 4 quốc gia phê chuẩn Công ước là Cyprus, Hà Lan, Kuwait và Bồ Đào Nha).

Tuy nhiên, những quốc gia này vẫn phải kí kết các hiệp định song phương để thực thi công ước giữa các quốc gia với nhau. Nguyên nhân là do một số ĐUQT khi soạn thảo đã không phản ánh lợi ích chung của đa số các nước nên rất khó được các quốc gia chấp thuận gia nhập. Bên cạnh đó, mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài trong các ĐUQT đa phương thường không rõ nét bởi nó phải cố gắng dung hoà quy định của các hệ thống pháp luật khác nhau. Khả năng áp dụng trên thực tiễn của các ĐUQT đa phương cũng không cao, trừ những công ước được ban hành trong khuôn khổ của EU, do trong lĩnh vực công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của nước ngoài các quốc gia thường có xu hướng áp dụng các quy định của pháp luật quốc nội hơn là áp dụng quy phạm của ĐUQT bởi điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều lợi ích của quốc gia nơi nhận được yêu cầu.

2.2. Theo pháp luật một số nước tiêu biểu

- Pháp luật Cộng hoà Pháp:

Theo Bộ luật tố tụng dân sự của Cộng hoà Pháp, các quy định của pháp luật về thi hành án nói chung, công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài tại Pháp nói riêng được quy định tại Thiên XV "Thi hành án" (từ Điều 500 đến Điều 526).⁽⁶⁾ Theo Điều 509 của Bộ luật, những bản án của toà án nước ngoài và những quyết định của cơ quan có thẩm

(6). Bộ luật tố tụng dân sự của nước Cộng hòa Pháp (Bản dịch tiếng Việt của Nhà pháp luật Việt - Pháp), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 117 - 122.

quyền nước ngoài được thi hành trên lãnh thổ Pháp theo thể thức và trong những trường hợp do pháp luật quy định. Cụ thể là sau khi được toà án Pháp cho phép thi hành bằng một nghị quyết do các toà án dân sự cấp cơ sở về các vụ án tư pháp (dân sự hoặc thương mại) đưa ra (toà án Pháp không cấp phép thi hành quyết định về các vụ tranh chấp có tính chất hành chính, thuế và các bản án hình sự của toà án nước ngoài) thì bản án, quyết định nước ngoài sẽ được thi hành trên lãnh thổ Pháp. Ngoài ra, tại Điều 508 Bộ luật tố tụng dân sự Pháp cũng quy định không được thi hành án trước 6 giờ và sau 21 giờ cũng như trong các ngày lễ, ngày nghỉ, trừ khi được thẩm phán cho phép trong những trường hợp cần thiết. Theo Jean Derruppe, trong án lệ Munzer nổi tiếng ngày 07/01/1964, Toà án tư pháp tối cao đã liệt kê năm vấn đề cần kiểm tra đối với bản án, quyết định của toà án nước ngoài⁽⁷⁾ (còn gọi là Quyết định ngày 07/01/1964 của toà án Pháp). Đến án lệ Bachir ngày 04/10/1967 nêu ra bốn vấn đề cần kiểm tra với nội dung cũng tương tự như năm vấn đề của án lệ Munzer. Trên thực tế có ba vấn đề chính cần kiểm tra là: thẩm quyền của toà án nước ngoài; luật áp dụng; không trái với trật tự công cộng và không có hành vi lẩn tránh pháp luật. Những vấn đề cần kiểm tra này có thể xem là những điều kiện bắt buộc mà bản án dân sự của toà án nước ngoài phải thoả mãn nếu muốn được công nhận và cho thi

hành tại Pháp. Như vậy, pháp luật Pháp áp dụng mô hình pháp luật thứ nhất, liệt kê các điều kiện mà một bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành. Những điều kiện này được cơ quan có thẩm quyền của Pháp kiểm tra.

- Pháp luật Đức:

Theo Thomasrauscher, về mặt nguyên tắc chung, phán quyết dân sự, thương mại của toà án nước ngoài sẽ được công nhận tại Đức mà không cần có thủ tục đặc biệt nào, trừ trường hợp các bản án, quyết định dân sự này rơi vào những trường hợp từ chối công nhận. Việc công nhận sẽ là điều kiện tiên quyết để xem xét việc cho thi hành.⁽⁸⁾ Theo quy định tại Điều 328 Bộ luật tố tụng dân sự Đức năm 1877 (viết tắt là ZPO, còn gọi là Điều lệ tố tụng dân sự của Đức), việc công nhận một phán quyết dân sự, thương mại của toà án nước ngoài sẽ bị loại trừ nếu nó rơi vào một trong những trường hợp sau:

+ Toà án nước ngoài đã tuyên bản án đó không có thẩm quyền xét xử vụ án trên theo pháp luật Đức;

+ Bị đơn là người Đức không tham gia vào việc xử vụ án tại toà án với lí do giấy triệu tập đến toà án dự phiên toà xét xử vụ án đó hoặc thông báo của toà án về việc đó không được tổng đạt trực tiếp hoặc gián tiếp qua các cơ quan của Đức theo thể thức tương trợ tư pháp;

(8). Thomasrauscher (Đại học tổng hợp Leipzig, CHLB Đức), "Công nhận và thi hành phán quyết về tài sản của toà án nước ngoài ở Đức", *Tạp chí khoa học pháp lí*, số 3/2005.

(7). Jean Derruppe, *Tư pháp quốc tế* (Dịch giả: Trần Đức Sơn, Bản dịch tiếng Việt của Nhà pháp luật Việt - Pháp), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 180.

+ Toà án nước ngoài đã áp dụng các quy phạm xung đột pháp luật có nội dung khác với nội dung các quy phạm xung đột nhất định của Đức và điều đó gây phương hại đến lợi ích của bên đương sự người Đức;

+ Việc công nhận quyết định nước ngoài có thể mâu thuẫn với phong tục tập quán hoặc mục đích của pháp luật Đức;

+ Nguyên tắc có đi có lại không được đảm bảo.

Đây chính là những trường hợp từ chối công nhận bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài. Đối với việc thi hành phán quyết dân sự, thương mại của toà án nước ngoài, Điều 722 Bộ luật tố tụng dân sự Đức quy định đối với việc cưỡng chế thi hành bản án dân sự của toà án nước ngoài phải có quyết định cho phép thi hành của toà án dân sự hoặc thương mại quận, huyện hoặc của toà án dân sự hoặc thương mại tỉnh (Amtsgericht) thuộc bang nơi bị đơn đang sống hoặc có tài sản với điều kiện bản án của toà án nước ngoài tuyên đã có hiệu lực pháp luật tại nước có toà án đã tuyên ra bản án đó. Như vậy, pháp luật của Đức áp dụng mô hình quy định những trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành và là một trong số rất ít các quốc gia áp dụng mô hình đương nhiên công nhận các bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài.

- Pháp luật Italia:

Theo Luật tư pháp quốc tế ngày 31/5/1995 (Law No. 218 of May 31 1995) điều chỉnh vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết nước ngoài, Italia áp dụng mô hình liệt kê các điều kiện công nhận mà bản

án, quyết định dân sự của nước ngoài phải thoả mãn. Những điều kiện này được quy định tại Điều 64 Luật tư pháp quốc tế ngày 31/5/1995. Đối với các bản án, quyết định có tính chất tài sản của nước ngoài có yêu cầu thi hành tại Italia sau khi được công nhận phải làm thủ tục yêu cầu cho thi hành. Việc giải quyết yêu cầu cho thi hành căn cứ vào ĐUQT giữa Italia và nước đó hoặc trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.⁽⁹⁾

- Pháp luật Bỉ:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật tư pháp quốc tế Bỉ ngày 16/7/2004, bản án, quyết định dân sự của nước ngoài sẽ được công nhận và cho thi hành tại Bỉ, trừ trường hợp vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 25 Luật tư pháp quốc tế Bỉ. Về nguyên tắc, tất cả các bản án, quyết định dân sự của nước ngoài đều được công nhận và thi hành tại Bỉ nếu không rơi vào những trường hợp không được công nhận và cho thi hành. Nghĩa là Luật tư pháp quốc tế của Bỉ chi liệt kê những trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài. Những trường hợp này có thể được kiểm tra bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc được chủ động chứng minh bởi bên phản đối việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của nước ngoài và cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ kiểm tra.⁽¹⁰⁾

(9). Maurizio Traverso, Mario Traverso & Bruno Giuffrè (Traverso & Associati), *Recognition and Enforcement of Foreign Judgments in Italia* <http://www.mcmillan.ca/Files/132765>, truy cập 01/9/2019.

(10). The Belgium Private International Law Code of 16 July 2004, <http://www.ipr.be> hoặc <http://www.dipr.be>, truy cập 01/9/2019.

- Pháp luật Liên bang Thụy Sĩ:

Theo Luật tư pháp quốc tế của Liên bang Thụy Sĩ ngày 18/12/1987, bản án, quyết định dân sự của nước ngoài sẽ được công nhận tại Thụy Sĩ nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25.⁽¹¹⁾ Theo các điều kiện này, Thụy Sĩ áp dụng mô hình vừa liệt kê những điều kiện mà bản án, quyết định dân sự của nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận (do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ động kiểm tra) vừa liệt kê những trường hợp bản án, quyết định dân sự của nước ngoài sẽ bị từ chối công nhận (do bên phản đối việc công nhận chủ động chứng minh). Tương tự Bỉ, Luật tư pháp quốc tế Thụy Sĩ cũng không phân biệt bản án, quyết định dân sự của nước ngoài có yêu cầu thi hành tại Thụy Sĩ với bản án, quyết định dân sự của nước ngoài chỉ có yêu cầu công nhận tại Thụy Sĩ.

- Pháp luật Liên bang Nga:

Theo Bộ luật tố tụng dân sự Liên bang Nga, để bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài có hiệu lực như bản án, quyết định dân sự được tuyên bởi Toà án Liên bang Nga, Toà án Liên bang Nga phải tuyên một quyết định về việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định này. Khi xem xét việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, Toà án Nga chỉ áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự của Liên bang Nga.⁽¹²⁾ Yêu

cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài không được chấp nhận nếu rơi vào những trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 412 Chương XLV Bộ luật tố tụng dân sự Liên bang Nga. Trong những trường hợp không công nhận và cho thi hành có những trường hợp được chủ động kiểm tra bởi toà án có thẩm quyền của Liên bang Nga (trường hợp 3, 4, 5), có trường hợp do bên yêu cầu công nhận và cho thi hành chủ động chứng minh (trường hợp 6), có những trường hợp do bên phản đối yêu cầu công nhận và cho thi hành chứng minh (trường hợp 1, 2). Như vậy, Nga áp dụng mô hình vừa liệt kê các điều kiện mà bản án, quyết định của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành, vừa liệt kê các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành.

- Pháp luật Hoa Kỳ:

Hoa Kỳ là quốc gia điển hình áp dụng mô hình của hệ thống án lệ (Common law). Một bản án, quyết định dân sự của nước ngoài muốn được công nhận và thi hành tại Hoa Kỳ phải được toà án Hoa Kỳ xem xét lại, nó có thể bị bác bỏ, không được công nhận và cho thi hành nếu bị đơn chứng minh được bản án, quyết định đó rơi vào những trường hợp không công nhận và cho thi hành.⁽¹³⁾ Về cơ bản, các bản án, quyết

pháp, Hà Nội, 2005, Nguyễn Ngọc Khánh (dịch), Trần Văn Trung (hiệu đính).

(13). Nguyễn Ngọc Lâm, *Tư pháp quốc tế (Phần 2: Một số chế định cơ bản, tố tụng toà án và trọng tài)*, Nxb. Phương Đông, 2007, tr. 268; Credić C.Chao & Christine S.Neuhoff, "Enforcement and Recognition of Foreign Judgments in United States Courts: A

(11). The Switzerland's Federal Private International Law Code of 18 September 1987, <http://www.umbrecht.com> hoặc <http://www.attorney@umbrecht.com>, truy cập 01/9/2019.

(12). Bộ luật tố tụng dân sự Liên bang Nga, Nxb. Tư

định dân sự của nước ngoài muốn được công nhận ở Hoa Kỳ phải đáp ứng một số điều kiện tương tự như quy định của pháp luật Anh nhưng pháp luật Hoa Kỳ không buộc phải đăng kí bản án tại bất kì toà án nào. Ngoài ra, điểm khác biệt cơ bản giữa mô hình pháp luật Hoa Kỳ với pháp luật các nước khác chính là việc toà án Hoa Kỳ có khả năng xem xét lại bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, kể cả những tình tiết đã được các bên chứng minh và đã được toà án nước ngoài công nhận.

- Pháp luật Cộng hoà nhân dân Trung Hoa:

Theo Luật tố tụng dân sự của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa năm 1991, những quy định của pháp luật liên quan đến tố tụng dân sự quốc tế được quy định tại Phần 4 (từ Điều 237 đến Điều 270).⁽¹⁴⁾ Đối với vấn đề công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, Điều 268 Luật tố tụng dân sự năm 1991 quy định: "*Trường hợp những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án nước ngoài yêu cầu hoặc yêu cầu công nhận và thi hành, căn cứ vào những ĐUQTT mà nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa kí kết hoặc tham gia, hoặc sau khi thẩm tra lại theo nguyên tắc hỗ tương, toà án nhân dân nếu thấy không có gì vi phạm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa*

hoặc chủ quyền, an ninh quốc gia, lợi ích công cộng xã hội thì quyết định công nhận hiệu lực của nó, cần phải thi hành thì ra lệnh cho thi hành theo những quy định có liên quan của Bộ luật này. Trường hợp có vi phạm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa hoặc chủ quyền, an ninh quốc gia, lợi ích chung của xã hội thì không công nhận và không cho thi hành". Xem xét nội dung của điều luật trên cho thấy bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài về nguyên tắc sẽ được công nhận và cho thi hành tại lãnh thổ Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, trừ những trường hợp đã được quy định sẽ từ chối công nhận và cho thi hành. Có thể nhận thấy những trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành đều là những trường hợp sẽ được toà án có thẩm quyền chủ động kiểm tra bởi vì liên quan đến những lợi ích cơ bản của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Như vậy, tương tự Pháp, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa áp dụng mô hình pháp luật liệt kê các điều kiện mà một bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành và cơ quan có thẩm quyền của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa sẽ chủ động kiểm tra những điều kiện này.

Như vậy, qua nghiên cứu pháp luật một số quốc gia tiêu biểu cho thấy mô hình pháp luật thứ nhất (liệt kê các điều kiện mà một bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành) được áp dụng phổ biến, đặc biệt là các quốc gia có trình độ kinh tế-xã hội

Practical Perspective", *Pepperdine Law review* (Volume 29, Issue 1, International Law Weekend - West Symposium Issue).

(14). Về pháp luật tố tụng dân sự, Kí yếu của dự án VIE/95/017 - Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, 5/2000, tr. 146 - 198.

phát triển cao, khả năng kiểm soát các quan hệ pháp luật tốt bởi lẽ mô hình này mở rộng khả năng chủ động của các bên tham gia quan hệ pháp luật nhưng nhà nước vẫn kiểm soát được các bản án, quyết định nước ngoài được công nhận và cho thi hành. Đối với mô hình thứ hai, quy định những trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành, chỉ có Đức (vốn là một trong những quốc gia có nền kinh tế và xã hội phát triển) áp dụng xuất phát từ tinh chất mở và tự do của mô hình này. Các quốc gia còn lại lựa chọn mô hình thứ ba, vừa liệt kê các điều kiện mà một bản án, quyết định của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành, vừa liệt kê các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành, để đảm bảo sự kiểm soát của nhà nước đối với việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài. Mô hình này thích hợp với những quốc gia có trình độ kinh tế-xã hội trung bình hoặc thấp, trong đó có Việt Nam, nhà nước cần tăng cường kiểm soát các quan hệ pháp luật, đặc biệt là các quan hệ pháp luật dân sự có yếu tố nước ngoài.

3. Một số vấn đề liên quan đến mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

3.1. Nội dung điều chỉnh của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Thứ nhất, về nguyên tắc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài: Theo Điều 423 và Điều 431 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc

công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài dựa trên hai nguyên tắc: Nguyên tắc có ĐUQT (điểm a khoản 1 Điều 423) và nguyên tắc có đi có lại (điểm b khoản 1 Điều 423). Bên cạnh đó, Điều 431 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 còn quy định những bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài đương nhiên được công nhận tại Việt Nam.

Như vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành, bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài chỉ được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam khi giữa Việt Nam và quốc gia có toà án ban hành bản án, quyết định đó đều là thành viên của ĐUQT về vấn đề này hoặc giữa Việt Nam và quốc gia đó có áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bổ sung những trường hợp bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài đương nhiên được công nhận tại Việt Nam (Điều 431). Đây là điểm mới so với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.

Xét ở góc độ mô hình pháp luật, việc vừa áp dụng nguyên tắc có ĐUQT, vừa áp dụng nguyên tắc có đi có lại thể hiện Việt Nam không đương nhiên công nhận các bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài như mô hình pháp luật của Đức cũng như không áp dụng mô hình liệt kê các trường hợp bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài được công nhận và cho thi hành như Pháp

hay Trung Quốc. Nói cách khác, trong ba mô hình pháp luật đã phân tích ở trên, dường như Việt Nam không áp dụng bất cứ mô hình nào. Việc bổ sung những trường hợp đương nhiên công nhận bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của cơ quan khác có thẩm quyền của nước ngoài của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 càng làm cho mô hình pháp luật của Việt Nam không rõ ràng. Xét ở góc độ lí luận, việc các quốc gia có áp dụng một mô hình pháp luật hay không hoặc áp dụng với những sự khác biệt không quyết định hiệu quả điều chỉnh của pháp luật trên thực tế nhưng sẽ góp phần làm cho hệ thống pháp luật Việt Nam trở nên khác biệt so với pháp luật các nước trên thế giới cũng như các ĐUQT điều chỉnh vấn đề này.

Thứ hai, Điều 439 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định những bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam. Có tám trường hợp được liệt kê tại Điều 439. Mặc dù tên điều luật là những trường hợp không công nhận và cho thi hành nhưng nội dung của điều luật thể hiện rõ đây là những điều kiện mà một bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài phải đáp ứng để được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam. Xét cụ thể từng trường hợp của Điều 439 bao gồm cả những điều kiện mà một bản án, quyết định của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành, vừa liệt kê các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành.

Như vậy, Việt Nam áp dụng mô hình liệt

kê các điều kiện mà một bản án, quyết định của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành. Mô hình pháp luật này đã được xây dựng từ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 và tiếp tục được kế thừa trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong bối cảnh quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam diễn ra ngày càng mạnh mẽ, hoạt động công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài diễn ra ngày càng phổ biến.

3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu đối với mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Thứ nhất, cơ sở của việc xác định mô hình pháp luật phù hợp

Để xác định mô hình điều chỉnh phù hợp của pháp luật về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của toà án nước ngoài trong giai đoạn hiện nay cần xác định rõ các vấn đề sau đây:

- Điều kiện kinh tế-xã hội của Việt Nam: Việt Nam đang tăng cường mở rộng giao lưu hợp tác với các nước. Quá trình này đã là xu thế không thể đảo ngược của đất nước. Tuy nhiên, càng mở rộng giao lưu kinh tế-dân sự với các nước thì thực tế cũng ngày càng rõ ràng hơn là hệ thống pháp luật Việt Nam không theo kịp nhu cầu điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Trong số những quốc gia mà Việt Nam có mối quan hệ dân sự thường xuyên và có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống, chỉ có một số ít quốc gia đã kí kết hiệp định tương trợ tư

pháp với Việt Nam (*Ví dụ*: Liên bang Nga). Còn đa số các nước khác (Hoa Kỳ, Úc, Anh, Canada...) thì Việt Nam chưa có ĐUQT điều chỉnh các quan hệ dân sự, trong đó có quan hệ công nhận và cho thi hành trên lãnh thổ của nhau bản án, quyết định của toà án. Chính vì vậy, trong quan hệ với các quốc gia này, cơ sở pháp lí chủ yếu điều chỉnh vẫn là pháp luật quốc gia và nguyên tắc chủ yếu được áp dụng vẫn là nguyên tắc có đi có lại. Trong việc lựa chọn mô hình pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài, Việt Nam cần tính toán tất cả các vấn đề này để cân nhắc lợi ích mà công dân của những nước này sẽ đạt được tại Việt Nam cũng như lợi ích mà công dân Việt Nam sẽ đạt được tại nước đó, đặc biệt là trong việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Việc đánh giá chính xác và đúng đắn tình hình kinh tế-xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay còn là cơ sở để Việt Nam xây dựng các chế định pháp luật có liên quan đến hoạt động công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài như lệ phí, các nghĩa vụ tài chính trong vấn đề ủy thác tư pháp quốc tế, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong bộ máy nhà nước (*ví dụ*: Toà án nhân dân tối cao) bởi lẽ công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài là thủ tục tố tụng đặc biệt và rất phức tạp, đòi hỏi phải có sự phối hợp tham gia của nhiều cơ quan khác nhau trong bộ máy nhà nước. Tổng hợp các quy định trong các lĩnh vực này tạo thành cơ chế pháp lí để các chủ thể bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình thông qua

việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định.

- Những lợi ích mà Việt Nam theo đuổi: Mỗi quốc gia khi tham gia vào các quan hệ pháp lí quốc tế đều theo đuổi những lợi ích nhất định và phục vụ cho việc thực hiện các lợi ích đó trên thực tế. Xuất phát từ điều này, mỗi quốc gia khi quyết định kí kết hay tham gia ĐUQT cũng như ban hành văn bản pháp luật trong nước đều phải tính toán đến các lợi ích mà mình sẽ đạt được cũng như những lợi ích mà mình chấp nhận san sẻ với các nước khác có liên quan. Trong lĩnh vực hoàn thiện pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài, các quốc gia khi quyết định kí kết, tham gia ĐUQT hoặc ban hành pháp luật trong nước đều xem xét những lợi ích mà quốc gia mình đang theo đuổi. Điều này sẽ quyết định việc quốc gia đó lựa chọn mô hình điều chỉnh nào của pháp luật. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế, việc xác định rõ những nhóm lợi ích mà Việt Nam theo đuổi khi tham gia vào quan hệ công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài sẽ góp phần vào việc lựa chọn mô hình phù hợp để xây dựng các quy định của pháp luật về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của toà án nước ngoài.

- Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực điều chỉnh quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài: công cuộc đổi mới theo hướng tăng cường hội nhập quốc tế của Việt Nam mới bắt đầu hơn hai thập niên, việc xây dựng hệ thống pháp luật phục vụ

các quan hệ của thời kì hội nhập chỉ đang ở giai đoạn bắt đầu, nhiều hiện tượng pháp lí dù đã xuất hiện từ lâu trên thế giới nhưng vẫn còn mới mẻ hoặc xa lạ với Việt Nam, nền kinh tế phát triển nhanh, các quan hệ kinh tế-xã hội phát triển nhanh chóng và thay đổi liên tục dẫn đến pháp luật thường xuyên lạc hậu so với nhu cầu điều chỉnh của thực tiễn. Chính vì vậy, trong việc hoàn thiện mô hình pháp luật cần xuất phát từ thực tiễn tình hình kinh tế-xã hội cũng như thực trạng hệ thống pháp luật của Việt Nam để lựa chọn cho phù hợp, tránh tình trạng chủ quan, duy ý chí áp đặt mô hình pháp luật nước ngoài không phù hợp với thực tế của Việt Nam, làm cho pháp luật không phù hợp với thực tiễn và không phát huy được hiệu quả điều chỉnh trên thực tế. Đặc biệt, trong quá trình ban hành các quy định pháp luật trực tiếp tác động đến lợi ích của chủ thể nước ngoài cần xem xét trong mối quan hệ tương quan giữa điều kiện cụ thể của Việt Nam, cân nhắc lợi ích của Việt Nam cũng như lợi ích tương ứng của chủ thể nước ngoài sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam nhưng vẫn đảm bảo được một cách hợp lí lợi ích của chủ thể nước ngoài.

Xuất phát từ tất cả những vấn đề có liên quan trực tiếp đến việc lựa chọn mô hình của pháp luật như trên, Việt Nam nên chọn mô hình thứ ba khi tiến hành sửa đổi quy định của pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của nước ngoài trong tương lai. Cụ thể, mô hình pháp luật Việt Nam nên là mô hình vừa liệt kê các điều

kiện mà một bản án, quyết định của toà án nước ngoài phải thoả mãn để được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam. Những điều kiện này bên thắng kiện (tức bên yêu cầu) có nghĩa vụ phải chứng minh và toà án có thẩm quyền của Việt Nam sẽ chủ động kiểm tra. Đồng thời pháp luật cũng liệt kê các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành. Những trường hợp này sẽ do bên phải thi hành, nghĩa là bên phản đối việc thi hành, chủ động chứng minh và toà án có thẩm quyền phải từ chối việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài nếu chấp nhận sự chứng minh của bên phải thi hành mặc dù bên yêu cầu đã chứng minh được bản án, quyết định của toà án nước ngoài thoả mãn các điều kiện bắt buộc trong nhóm thứ nhất.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam cũng cần phân định rõ hai trường hợp: những bản án, quyết định phải thi hành tại Việt Nam (nghĩa là phải áp dụng thủ tục cưỡng chế thi hành) và những bản án, quyết định chỉ cần được công nhận tại Việt Nam (nghĩa là chỉ cần áp dụng thủ tục công nhận). Đồng thời, trong việc áp dụng các nguyên tắc điều chỉnh hoạt động công nhận và cho thi hành, mô hình pháp luật Việt Nam nên theo hướng mở. Nghĩa là đối với những trường hợp việc công nhận bản án, quyết định của toà án nước ngoài sẽ có lợi cho công dân Việt Nam mà không ảnh hưởng đến trật tự công của Việt Nam thì không cần yêu cầu điều kiện phải có ĐUQT. Bởi lẽ, thực tiễn áp dụng pháp luật về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của nước ngoài cho thấy các bên chỉ sử

dụng ĐUQT làm rào cản pháp lí khi nào việc công nhận và cho thi hành gây bất lợi hoặc thiệt hại cho lợi ích công cộng của nhà nước cũng như lợi ích các chủ thể trong nước của nước đó. Kết hợp các vấn đề này với nhau, thì mô hình pháp luật Việt Nam về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của toà án nước ngoài có thể được xây dựng như sau:

"1. Bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài sẽ được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam nếu đáp ứng các điều kiện sau đây, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác:

a). ...

2. Bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, mặc dù thoả mãn điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều này sẽ bị từ chối công nhận nếu bên phản đối chứng minh được, hoặc bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài đó rõ ràng thể hiện trước toà án Việt Nam:

a). ...".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dư Ngọc Bích, "Lựa chọn mô hình điều chỉnh của pháp luật về công nhận, thi hành bản án dân sự, thương mại của toà án nước ngoài", *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, số 21/2008, tr. 11.
2. Credic C. Chao & Christine S. Neuhoff, *Enforcement and Recognition of Foreign Judgments in United States Courts: A Practical Perspective*, Pepperdine Law review (Volume 29, Issue 1, International Law Weekend - West Symposium Issue).
3. Lê Hồng Hạnh (chủ biên), *Mô hình xây dựng pháp luật trong nhà nước pháp quyền - Từ lí luận đến thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2017.
4. Nguyễn Ngọc Lâm, *Tư pháp quốc tế (Phần 2: Một số chế định cơ bản, tố tụng toà án và trọng tài)*, Nxb. Phương Đông, 2007.
5. Maurizio Traverso, Mario Traverso & Bruno Giuffrè (Traverso & Associati), *Recognition and Enforcement of Foreign Judgments in Italia*, <http://www.mcmillan.ca/Files/132765>
6. Jean Derruppe, *Tư pháp quốc tế* (Dịch giả: Trần Đức Sơn, Bản dịch tiếng Việt của Nhà pháp luật Việt - Pháp), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 180.
7. Thomasrauscher (Đại học tổng hợp Leipzig, CHLB Đức), "Công nhận và thi hành phán quyết về tài sản của toà án nước ngoài ở Đức", *Tạp chí khoa học pháp lí*, số 3/2005.
8. Bành Quốc Tuấn, "Hoàn thiện pháp luật về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài", *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, số 5/2011.
9. Đào Trí Úc (chủ biên), *Mô hình tổ chức và hoạt động của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007.
10. *Về pháp luật tố tụng dân sự*, Ki yếu của dự án VIE/95/017 - Tăng cường năng lực xét xử tại Việt Nam, Hà Nội, 5/2000.
11. Viện ngôn ngữ học Việt Nam, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Thanh Hoá, 1998.